

Bản án số: 93/2018/HS-ST

Ngày 16-11-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Dương – Bí thư đoàn TNCS HCM xã Quỳnh Hoàng

2. Ông Nguyễn Văn Diệu – Bí thư đoàn TNCSHCM xã Quỳnh Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/4/2000 tại huyện C, tỉnh D; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Hữu U, sinh năm 1977 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 40/2016/HSST ngày 29/6/2016 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D phạt Nguyễn Quang H 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội cướp tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 (thời điểm phạm tội H đã đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi nên được coi là không có án tích); bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh M khởi tố, bắt truy nã ngày 18/7/2018, bị tạm giữ từ ngày 19/7/2018, chuyển tạm giam ngày 20/7/2018, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh M.

2. Hoàng Minh T, sinh ngày 11/01/2001 tại huyện O, tỉnh Đ; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Phó Ấ và bà: Nguyễn Thị Ấ (đều đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/7/2016 Công an thành phố D xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (đã được xóa tiền sự); bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh M khởi tố, bắt truy nã bắt truy nã ngày 18/7/2018, bị tạm giữ từ ngày 19/7/2018, chuyển tạm giam ngày 20/7/2018 hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh M.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hoàng Minh T:* Ông Hoàng Phó G, sinh năm 1975 (bác ruột của bị cáo T); địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh D (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T:* Ông Lê Chí Ê, sinh năm 1975; là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh D (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Đền Tr; địa chỉ: Thôn A1, xã Q, huyện C, tỉnh D, do ông Nguyễn Thế K, sinh năm 1952; trú tại Thôn A1, xã Q, huyện C, tỉnh D là trưởng ban quản lý làm đại diện

2. Chùa Ph; địa chỉ: Thôn L1, xã Q1, huyện C, tỉnh D, do ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn B1, xã Đ1, huyện Ô là trụ trì làm đại diện

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đền Ng; địa chỉ: Thôn B2, xã Q2, huyện C, tỉnh D, do ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn B2, xã Q2, huyện C, tỉnh D là trưởng ban quản lý làm đại diện.

2. Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B2, xã Q2, huyện C, tỉnh D

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lò Thị U', sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B3, xã Q3, huyện C, tỉnh D

2. Chị Nguyễn Thị Z, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn O, xã Q4, huyện C, tỉnh D

(Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Quang H, Hoàng Minh T, Hoàng Ngọc Ch,

Phạm Văn I và Lương Ngọc Qu là bạn bè. Do không có tiền tiêu xài, trong thời gian từ ngày 03/03/2018 đến ngày 17/03/2018 H, T, Ch, I và Qu đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh D cụ thể:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 01/03/2018, Hoàng Minh T rủ Nguyễn Quang H, Hoàng Ngọc Ch đi chợ W, thuộc xã Q5, huyện C mua công cụ để đêm đi trộm cắp tài sản trong các đình chùa. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Loncin biển kiểm soát 17F6- SX89 do Lương Ngọc Qu mượn của chị gái là Lương Thị Th chở Ch, H đến khu vực chợ W, xã Q5 để H mua: 01 kim cộng lực, 01 kim cắt, 01 tô vít, 01 xà cày, 01 búa, 1 kéo, 1 dao phay, 1 dao gấp, 8 dao nhỏ (loại dao gọt hoa quả). Ch, T, H cất toàn bộ các công cụ này vào ba lô giấu ở khu vực cầu chui đường T1 thuộc thôn T2, xã Q6, huyện C. Sáng ngày 02/3/2018 Ch, T, H, I, Qu đến nhà nghỉ Đ1 ở Thôn B3, xã Q3, huyện C, H gặp chị Lò Thị U là quản lý thuê 2 phòng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T rủ I, Qu đi đến Đền Tr thuộc Thôn A1, xã Q quan sát để đêm đi trộm cắp. Khoảng 21 giờ cùng ngày, tại nhà nghỉ, T nói với Ch, H, I và Qu: *“Đêm nay đi lấy ở chùa Q được”*, Ch bảo *“Đi cẩn thận đấy nhé, tiền lấy được còn túi xách đựng đồ để lại gần đó lấy sau”*. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Ch đi đến nhà nghỉ L2 của Nguyễn Văn E ở Thôn B2, xã Q2, huyện C. Khoảng 23 giờ 30 ngày 02/3/2018, T điều khiển xe mô tô BKS 17F6- SX89 chở I, Qu, H đi đến khu vực cầu chui T1 lấy ba lô đựng công cụ rồi đi đến khu vực đường bê tông gần Đền Tr ở Thôn A1, xã Q. T, I, Qu, H để xe mô tô ở đường bê tông cách đền khoảng 50m rồi tất cả trèo qua tường bao vào trong. Đến điện thờ Quan Âm, I, H đứng ngoài cảnh giới, T, Qu vào trong điện, phát hiện thấy hòm công đức bằng gỗ đặt ở bên trái ban thờ ở giữa tính từ ngoài nhìn vào có chốt gắn với nền nhà, T, Qu dùng tay bật ốc vít của chiếc hòm công đức rồi khênh và ném qua tường bao ra ngoài, T, Qu quay lại gặp I, H ở khu vực sân đền rồi tất cả đi lên đền thờ chính. Qu đứng ngoài cửa cảnh giới; T, I, H mở cửa lách đi vào bên trong, H, I phát hiện 01 hòm công đức bằng gỗ cũng được gắn chốt với nền nhà nên dùng tay bật chốt hòm và khênh hòm ra ngoài ném qua tường bao ở vị trí chiếc hòm thứ nhất. T lấy xà cày trong ba lô Qu đeo, cạy 01 hòm công đức khác trong cung cấm của đền thờ chính, bên trong có khoảng 50.000 tiền lẻ, T không lấy. T đi ra ngoài lấy trên bàn thờ 03 thanh kiếm bằng kim loại, loại kiếm để trang trí, vỏ kiếm và tay cầm đều bằng kim loại màu vàng được chạm trổ rồng phượng, Chiều dài mỗi thanh lần lượt là 76 cm - 88 cm - 103 cm. T cầm 3 thanh kiếm rồi cùng I, H, Qu trèo qua tường bao ra ngoài khênh hai hòm công đức ra chỗ để xe mô tô. T dùng xà cày cạy mép 1 hòm công đức, thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá từ 1000 đồng đến 500.000 đồng và 18 cái phong bì. T, I lấy tiền trong hòm công đức và xé 18 cái phong bì lấy toàn bộ tiền cho vào ba lô của Qu, sau đó, T dùng xe mô tô chở hòm công

đức còn lại và 3 thanh kiếm lên một cái cầu cách đền khoảng 800 mét rồi quay lại đón H, I, Qu. Tại đây, T dùng xà cày cạy mép hòm công đức ra lấy toàn bộ số tiền bên trong cho vào ba lô của Qu, T vứt 03 vỏ bao kiếm xuống nương còn 03 lưỡi kiếm giấu ở mé nương, sau đó tất cả đi về nhà nghỉ Đ. Tại phòng nghỉ T, I, H, Qu bỏ toàn bộ tiền vừa trộm cắp ra đếm được 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). T, I, H, Qu chia nhau mỗi người 2.500.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 16 giờ ngày 04/3/2018, Ch gọi T, I, H, Qu đến nhà nghỉ L2 của Nguyễn Văn E chơi, T đưa cho Ch 2.000.000 đồng nhưng Ch không lấy, T nói với Ch vẫn để 03 thanh kiếm ở khu vực mé bờ sông Q, Ch bảo ra lấy mang về dùng. Khoảng 04 giờ ngày 05/3/2018 H, Qu đi lấy 03 thanh kiếm mang về đưa cho Nguyễn Văn E nhưng không nói cho E biết về việc trộm cắp tài sản. Ngày 17/03/2018 sau khi được Cơ quan điều tra thông báo 03 thanh kiếm là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản, E đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 23/3/2018 cơ quan điều tra đã truy tìm và quản lý được 03 vỏ bao kiếm, 02 hòm công đức, ngày 08/5/2018 Cơ quan Điều tra đã trả lại 03 thanh kiếm, 03 vỏ bao Kiếm và 02 hòm công đức trên cho Đền Tr.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/03/2018 khi đang ở phòng trọ do H thuê của nhà chị Nguyễn Thị Z ở Thôn O, xã Q4, huyện C, I nói với Ch, Qu, T, H “*tối nay có đi không?*”, ý rủ đi trộm cắp tài sản tại đền, chùa, T bảo nay mệt không đi rồi nằm ngủ. H đeo ba lô đựng công cụ, I đeo túi xách để đựng tài sản trộm cắp, I điều khiển xe mô tô BKS 17F6- SX89 chở Ch, Qu, H đi đến Chùa Ph thuộc Thôn L1, xã Q1, huyện C. I, Ch, H xuống xe còn Qu điều khiển xe đi cách chùa khoảng 300m đứng canh giới. I, Ch, H đi đến ngôi điện chính, thấy cửa chính chốt trong, cửa lách có khóa, Ch, H lấy kim cắt phần móc khóa của ổ khóa, mở cửa đi vào trong, I thấy có lắp camera nên bảo “*camera anh ơi*”. H ra ngoài cửa lách canh giới, I, Ch thấy 01 kết sắt nhãn hiệu Thành Lộc (loại không có mã số) ở giữa ban tam bảo, I, Ch dùng tô vít, dao phay cạy mở kết sắt thấy bên trong có nhiều tờ tiền lẻ mệnh giá từ 500 đồng đến 20.000đ, I, Ch lấy các tờ tiền mệnh giá từ 5.000đ đến 20.000đ bỏ vào trong túi đeo của I. Tiếp đó Ch, I dùng tô vít, dao phay cạy hòm công đức bằng tôn ở phía trái giáp ban tam bảo theo hướng cửa chính vào lấy các tờ tiền mệnh giá từ 5.000đ đến 50.000đ bỏ vào trong túi đeo của I. I; Ch tiếp tục dùng dao, tô vít cạy 01 kết sắt nhãn hiệu Thành Lộc (loại không có mã số) ở ban thờ bên trái từ cửa vào lấy 15.000đ bỏ vào trong túi đeo của I; Ch mở tủ gỗ để ở cạnh ban tam bảo hướng bên phải tính từ cửa chính đi vào, thấy trong tủ có quần áo, 01 phong bì bên trong có 100.000đ và 01 tập tiền trong đó có các loại mệnh giá 500 đồng đến 2.000 đồng. Ch đưa cho H tập tiền lẻ bỏ vào túi đeo còn 100.000 đồng Ch cầm. Thấy đầu thu camera để ở phía trên bên phải gần cửa chính đi vào, I, Ch khiêng bàn ra chỗ để

đầu thu camera, Ch trèo lên xóa nhưng không xóa được, Ch rút đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 màu đen và cục phát wifi nhãn hiệu VNPT màu trắng bỏ vào trong ba lô H đeo. Ch, H, I tiếp tục đi xuống gian nhà tổ thấy 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp. I, Ch, H khiêng kết sắt ra bên ngoài mé trái nhà tổ và dùng dao, tô vít cạy kết sắt nhưng bên trong không có tiền. Ch gọi điện cho Qu đón rồi cả 4 đi quay về nhà trọ, bỏ tiền vừa trộm cắp được ra đếm được 1.200.000 đồng, Ch cầm chi tiêu chung cho Ch, H, I, Qu hết, 10 giờ ngày 17/03/2018, H lấy đầu thu camera ra tháo rời từng bộ phận.

Chiều ngày 17/3/2018, Cơ quan điều tra đã triệu tập Ch, H, I, Qu lên làm việc và quản lý: 01 xe mô tô nhãn hiệu Loncin BKS 17F6-SX89; 1 ba lô bên trong có: 01 kim cộng lực; 01 kim điện; 01 con dao phay; 01 dao gấp; 08 con dao nhỏ; 01 đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 đã bị tháo rời các bộ phận; 01 đầu phát WIFI nhãn hiệu VNPT. Quản lý của Chùa Ph: 01 hòm công đức bằng tôn; 03 kết sắt. Đối với 01 xà cây, 01 kéo, 01 tô vít, 01 búa các bị cáo khai đã đánh rơi, Cơ quan điều tra không quản lý được.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C ngày 20/3/2018 kết luận về tài sản các bị cáo lấy tại Đền Tr (xã Q, huyện C) có trị giá: Thanh kiếm dài 1,03mét 1.800.000 đồng; thanh kiếm dài 88cm 1.700.000 đồng; thanh kiếm dài 76cm 1.600.000 đồng; tài sản các bị cáo lấy tại Chùa Ph (xã Q1, huyện C) trị giá: 01 đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 là 5.400.000 đồng, 01 đầu phát WIFI nhãn hiệu VNPT 600.000 đồng, tổng là 7.200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Quang H bị truy tố về hai hành vi cùng đồng phạm trộm cắp: Tại Đền Tr (xã Q, huyện C) lấy tiền trong hòm công đức 10.000.000 đồng + trị giá 03 thanh kiếm 5.100.000 đồng = 15.100.000 đồng; tại Chùa Ph (xã Q1, huyện C) tiền trong hòm công đức 1.200.000 đồng + trị giá 01 đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 là 5.400.000 đồng + 01 đầu phát WIFI nhãn hiệu VNPT 600.000 đồng = 7.200.000 đồng.

Bị cáo Hoàng Minh T bị truy tố về 01 hành vi cùng bị cáo H và đồng phạm trộm cắp tại Đền Tr (xã Q, huyện C) tổng giá trị tài sản trộm cắp là 15.100.000 đồng.

Ngoài ra, đêm 13/3 rạng sáng ngày 14/3/2018, H và T còn cùng I và Ch tham gia lấy 1.400.000đ tiền trong hòm công đức tại khu di tích lịch sử Đền Ng, thuộc Thôn B2, xã Q2, huyện C, hành vi này cơ quan Điều tra đã xử phạt hành chính đối với H và T.

Sau khi khởi tố bị can, Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T đã bỏ trốn. Ngày 21/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định tách vụ án, ra các quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can đối với Nguyễn

Quang H và Hoàng Minh T. Ngày 18/7/2018, các bị cáo bị Công an tỉnh M bắt theo lệnh truy nã, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện C đã ra các quyết định đình nã, phục hồi điều tra đối với các bị cáo.

Đối với Lương Ngọc Qu, tội phạm mà Qu thực hiện là tội ít nghiêm trọng, Qu chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện C đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Qu.

Đối với Hoàng Ngọc Ch và Phạm Văn I, tại bản án số 58/2018/HS-ST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D đã phạt Hoàng Ngọc Ch 02 năm tù và Phạm Văn I 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai, do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên đã cùng nhau trộm cắp tài sản đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai của đại diện các bị hại có trong hồ sơ thể hiện: Ông Nguyễn Thế K đại diện cho Đền Tr khai, đêm 02/3/2018 Đền Tr bị kẻ gian vào trộm cắp tiền ở hòm công đức trong có 10.000.000 đồng và 03 thanh kiếm thờ bằng kim loại. Ngày 19/7/2018, Tòa án đã xét xử và buộc bị cáo Hoàng Ngọc Ch, Phạm Văn I và Lương Ngọc Qu bồi thường cho Đền, nay ông không có yêu cầu giải quyết gì thêm; ông Nguyễn Văn Nh đại diện Chùa Ph khai, đêm 16/03/2018 Chùa Ph bị mất hòm công đức trong có 1.200.000 đồng và 01 đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10, 01 đầu phát WIFI nhãn hiệu VNPT, việc bồi thường đã được Tòa án giải quyết khi xét xử Hoàng Ngọc Ch cùng đồng phạm nên ông không có yêu cầu gì thêm.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn E có trong hồ sơ vụ án: Ch và bạn thuê phòng tại nhà nghỉ của anh, vào ngày 5/3/2018, khi H và một số bạn của Ch đưa 03 thanh kiếm cho anh, thấy đẹp nên anh cầm, không biết là tài sản trộm cắp. Khi được Cơ quan điều tra thông báo 3 thanh kiếm là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản, anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Những người làm chứng là chị Lò Thị U và chị Nguyễn Thị Z đều khai các bị cáo đã thuê phòng tại nhà nghỉ của các chị, các chị không biết về hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo.

Bản cáo trạng số 93/CT-VKSQP ngày 18/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh D truy tố các bị cáo Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 50, 56, 58,

38, 90, 91, 98, 101 và Điều 104 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Quang H, phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, tổng hợp hình phạt 32 tháng tù của bản án số 49/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh M, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 41 tháng tù đến 44 tháng tù; phạt bị cáo Hoàng Minh T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của bản án số 49/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh M, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã được giải quyết tại bản án số 58/2018/HS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C xét xử đối với các bị cáo Hoàng Ngọc Ch và Phạm Văn I nên không đặt ra giải quyết; về án phí: Bị cáo H, bị cáo T và người đại diện hợp pháp cho bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến, thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội do đó nhận thức chưa đầy đủ, bị cáo T bố mẹ mất sớm nên việc giáo dục bị cáo có phần hạn chế để quyết định hình phạt và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức đã vi phạm pháp luật, hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy

tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của các đền chùa, Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T cùng đồng phạm đã vào lấy đi các tài sản, cụ thể: Rạng sáng ngày 03/3/2018, Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T cùng Phạm Văn I, Lương Ngọc Qu vào Đền Tr, thuộc Thôn A1, xã Q, huyện C lấy 10.000.000 đồng tiền công đức + 03 thanh kiếm thờ trị giá 5.100.000 đồng = 15.100.000 đồng; rạng sáng ngày 17/3/2018 Nguyễn Quang H cùng Phạm Văn I, Hoàng Ngọc Ch, Lương Ngọc Qu vào Chùa Ph, Thôn L1, xã Q1, huyện C lấy 1.200.000 đồng tiền công đức + 01 đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 trị giá 5.400.000đ + 01 cục phát wifi trị giá 600.000đ = 7.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo H tham gia 02 vụ với tổng trị giá tài sản là 22.300.000đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*); T tham gia 01 vụ trị giá tài sản là 15.100.000đ (*Mười lăm triệu một trăm nghìn đồng*). Đối với bị cáo Nguyễn Quang H lần phạm tội này bị cáo thực hiện khi đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo về tội “*cướp tài sản*” theo điểm đ khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999, nhưng do khi phạm tội cướp tài sản H đã đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi, căn cứ vào khoản 7 Điều 91 và điểm a khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự, lần phạm tội cướp tài sản, Nguyễn Quang H được coi là không có án tích, do đó lần phạm tội này không tính là tái phạm. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản tại Đền Ng, thuộc Thôn B2, xã Q2, huyện C vào rạng sáng ngày 14/3/2018 của Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T, do trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng, bị cáo H tuy đang thi hành bản án số 40/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C về tội “*Cướp tài sản*” nhưng được coi là không có án tích nên lần trộm cắp này hành vi của H không cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T và H.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh D truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Đánh giá vai trò, tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Do trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ mà cùng nhau thực hiện, do đó đánh giá đây là

vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cần đánh giá tính chất, mức độ phạm tội từng bị cáo để lên mức án phù hợp, tương xứng với hành vi mỗi bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Quang H tham gia trộm cắp 02 vụ, ở vụ thứ nhất, bị cáo H cùng bị cáo Hoàng Minh T và các đồng phạm trộm cắp của Đền Tr tổng trị giá tài sản là 15.100.000 đồng, bị cáo H tham gia đi mua công cụ phạm tội cùng các bị cáo, bị cáo H cùng các đồng phạm trực tiếp lấy 01 hòm công đức sau đó ra ngoài làm nhiệm vụ cảnh giới; ở vụ thứ hai, bị cáo H cùng các đồng phạm trộm cắp tài sản của Chùa Ph, H là người cùng Phạm Văn I trực tiếp cắt khóa cửa sau đó ra ngoài cảnh giới, trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp tại Chùa Ph là 7.200.000 đồng.

Đối với bị cáo Hoàng Minh T, tham gia trộm cắp 01 vụ tại Đền Tr xã Q, huyện C, trị giá tài sản trộm cắp là 15.100.000 đồng. Trong lần phạm tội này, bị cáo là người chủ động rủ và chở bị cáo H cùng các đồng phạm khác đi mua công cụ phạm tội, rủ bị cáo H và các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản, cùng Lương Ngọc Qu trèo vào trong đền trực tiếp lấy tài sản.

Trong vụ án này các bị cáo đã chuẩn bị công cụ phạm tội khá tinh vi, nhằm vào các đền, chùa nơi thờ cúng, tâm linh của nhân dân để trộm cắp tài sản, hành vi của các bị cáo đã gây bức xúc trong nhân dân, sau khi phạm tội lại bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý. Ngoài hành vi bị truy tố trong vụ án này, các bị cáo còn trộm cắp tài sản tại chùa Khánh Đô thuộc huyện L, tỉnh M, ngày 01/10/2018, Tòa án nhân dân huyện L đã xét xử phạt H 08 tháng tù, T 06 tháng tù; bị cáo H phạm tội lần này khi đang chấp hành hình phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về tội “*cướp tài sản*” theo bản án số 40/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tuy được coi là không có án tích vì khi phạm tội cướp tài sản H đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi nhưng điều đó thể hiện sự táo bạo và ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 2 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; các bị cáo đều thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Qua phân tích trên, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo H đã gây ra cao hơn so với bị cáo T, do đó mức án của bị cáo H cao hơn mức án của bị cáo T và việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt là cần thiết để pháp luật giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời tổng hợp hình phạt

của bản án số 49/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh M, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Xét thấy, khi phạm tội cả hai bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, do đó khi lượng hình cần áp dụng Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo, như phát biểu của người bào chữa và đề nghị của đại Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” tuy nhiên, các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi phạm tội, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại bản án số 58/2018/HS-ST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D xét xử đối với các bị cáo Hoàng Ngọc Ch và Phạm Văn I đã giải quyết về trách nhiệm bồi thường dân sự. Nay Hoàng Ngọc Ch, Phạm Văn I không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc bồi hoàn của bị cáo H và T, do đó về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được giải quyết tại bản án số 58/2018/HS-ST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D, do đó không xét trong bản án này.

[9] Về án phí: Bị cáo H; bị cáo T và người đại diện hợp pháp cho bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các điều 50; 58; 38; 91; 98; 101; 104 và Điều 56 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Quang H 09 (Chín) tháng tù, tổng hợp hình phạt của bản án số 49/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh M là 32 tháng tù, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 41 (bốn mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2018 (được trừ đi 05 (Năm) tháng 26 (Hai mươi sáu ngày) bị tạm giữ, tạm giam theo bản án hình sự sơ thẩm số 40/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 50; 58; 38; 91; 98; 101; 104 và Điều 56 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Hoàng Minh T 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của bản án số 49/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh M, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2018.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Quang H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Hoàng Minh T và đại diện hợp pháp cho bị cáo T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hoàng Minh T, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- Người ĐDHP cho bc T;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh D
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Liên
(đã ký)**